TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG** Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST Ngày: 15/7/2022 V/v "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Chí Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Lương Phi Hùng

2. Ông Sơn Mứt

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Tiếm –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: *không thuộc trường hợp tham gia phiên toà.*

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 2 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Mỹ T,** sinh năm: 1995

Địa chỉ: Tổ 17, ấp Thuận Tiến C, xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long; xin vắng mặt .

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Trung Ng**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: số 292/2/15, Phan Văn Năm, Tổ 6, khóm 2, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 14 tháng 2 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ T trình bày:

Vào năm 2013, chị T và anh Nguyễn Trung Ng quen biết tìm hiểu nhau nên quyết định cưới có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long. Qúa trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 23/12/2014 hiện đang sống cùng mẹ. Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lý do chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Ng là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, tình cảm không thể hàn gắn lại được nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay, chị T yêu cầu được ly hôn anh Ng; về con yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng; về tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc làm ăn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Ng; về con yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 23/12/2014, không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn anh Nguyễn Trung Ng đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Ng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 17/6/2022, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, anh Nguyễn Trung Ng đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh Ng đã được tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt. Như vậy, anh Ng đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt và chị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử

quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Ng là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Ng do quen biết có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh Ng là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình hôn nhân, chị T và anh Ng thường xuyên cải vã, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T xin ly hôn anh Ng là có căn cứ nên chấp nhận là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến cũng như không cung cấp các tài liệu chứng cứ thể hiện ý kiến đối với việc chị T yêu cầu ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, chị T được ly hôn anh Ng.

[3] Về con chung: Chị T và anh Ng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 23/12/2014. Chị T yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con là phù hợp vì cháu Thúy V hiện đang sống với mẹ và để đảm bảo điều kiện phát triển của cháu V sau này nên chấp nhận chị T được quyền tiếp tục nuôi con chung và chị T không yêu cầu cấp dưỡng là sự tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án bên phía bị đơn anh Ng không cung cấp ý kiến đến việc nuôi con nên chưa có căn cứ để xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5]Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6]Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Mỹ T, chị Huỳnh Thị Mỹ T được quyền ly hôn anh Nguyễn Trung Ng.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị T, chị T được quyền nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 23/12/2014. Anh Ng chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Ng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012475 ngày 15/2/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, chị T đã nộp xong. Anh Ng không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Chí Cường

Nơi nhận:
- TAT. VL;
- VKSTX.M;THADS.TXM;
- UBND phường V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.